

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHỤC VỤ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN CHUYÊN NGÀNH THỂ THAO DƯỚI NƯỚC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

**Lê Đức Long⁽¹⁾
Phạm Văn Tuấn⁽²⁾**

Tóm tắt:

Từ kết quả đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học, đồng thời dựa trên cơ sở các nguyên tắc lựa chọn các tác giả đã lựa chọn và đề xuất 02 nhóm với 09 định hướng nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong thời gian tới, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường và Bộ môn Thể thao dưới nước.

Từ khóa: Định hướng nghiên cứu khoa học, chuyên ngành Thể thao dưới nước.

Orientation of scientific research serving training and coaching in aquatic sports at Bac Ninh Sports University

Summary:

From the results of evaluating the current status of scientific research activities , and based on the principles of the selected topics , 02 groups with 09 scientific research orientations were proposed to serve the training and coaching activities of the Underwater Sports major at Bac Ninh Sports University in the coming time, contributing to improving the training quality of the School and the Department of Underwater Sports

Keywords: Scientific research orientation , major in Water Sports.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nhiều thế hệ giảng viên Bộ môn Thể thao dưới nước Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã không ngừng tìm tòi, nghiên cứu các vấn đề khoa học nảy sinh trong thực tiễn hoạt động đào tạo thuộc lĩnh vực chuyên ngành, góp phần tích cực thúc đẩy và nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên chuyên ngành của Bộ môn. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đạt được của giảng viên và sinh viên Bộ môn Thể thao dưới nước vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và chưa đáp ứng được những yêu cầu (cả về số lượng và chất lượng) đòi hỏi ngày càng cao của xã hội.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu là các công trình nghiên cứu còn mang tính chủ quan, chưa bám sát nhu cầu của thực tiễn, chưa đưa ra

được những định hướng đúng, kịp thời và phù hợp. Từ đó cho thấy vấn đề nghiên cứu đặt ra có tính cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện của Nhà trường nói chung và Bộ môn Thể thao dưới nước nói riêng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp chuyên gia, phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định nguyên tắc đề xuất định hướng NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để có thể lựa chọn được các định hướng cho hoạt động NCKH, trên cơ sở lý luận bước đầu chúng tôi đã xác định được 05 nguyên tắc cơ bản để lựa chọn. Từ kết quả này, để tăng tính

⁽¹⁾TS, ⁽²⁾ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

khoa học và đảm bảo tính khách quan, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 13 chuyên gia, cán bộ khoa học và cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sỹ đến PGS của Viện KH&CN TDTT với qui ước đặt ra là các nguyên tắc được lựa chọn phải đạt >70% số ý kiến đồng ý.

Kết quả phỏng vấn cho thấy các nhà quản lý, chuyên gia và các cán bộ khoa học đều thống nhất lựa chọn cả 05 nguyên tắc đưa ra với số phiếu tán thành ở mức từ 76,92 - 92,31%. Sau khi xác định được các nguyên tắc, để phát huy hiệu quả trong việc lựa chọn định hướng, đề tài tiến hành xây dựng nội dung các nguyên tắc.

Nguyên tắc xuất phát từ thực tiễn: Là nguyên tắc xuất phát từ đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH đang diễn ra và tiềm năng phát triển. Đây chính là những cơ sở khoa học thực tiễn quan trọng để từ đó đề xuất những định hướng tháo gỡ, giải quyết những ảnh hưởng xấu và phát huy vai trò của yếu tố tiềm năng. Để nguyên tắc phát huy được hiệu quả, chúng tôi đã tiến hành đánh giá thực trạng công tác NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Nguyên tắc tính đồng bộ: Quản lý học TDTT hiện đại cho rằng: chi phối tới hiệu quả phát triển của bất cứ hoạt động TDTT nào đều là sự chi phối đa nhân tố. Do có mối quan hệ hữu cơ nên các định hướng không thể triển khai độc lập hay đơn điệu mà phải kết hợp với nhau, đồng thời phải triển khai một cách đồng bộ thì mới có kết quả. Do vậy, trong nghiên cứu chúng tôi này, các định hướng phải được lựa chọn đa dạng, toàn diện để các định hướng phải đáp ứng được việc khai thác các thế mạnh của Bộ môn và Nhà trường và khắc phục được những điểm yếu về NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Nguyên tắc khả thi: Muốn đạt được hiệu quả thì các định hướng phải đảm bảo được khả năng có thể triển khai một cách thuận lợi trong thực tiễn, phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường và năng lực giải quyết của các cá nhân thuộc Bộ môn trong hoạt động NCKH.

Nguyên tắc bảo đảm tính khoa học: Các định hướng muốn đạt được hiệu quả như mong muốn

thì các định hướng phải mang tính khoa học, được thể hiện ở các mặt: Định hướng phải mang tính hợp lý; Định hướng phải tuân thủ nguyên tắc sư phạm trong giảng dạy, huấn luyện và phát triển thể thao thành tích cao; Định hướng phải có nội dung, mục đích, phương pháp và cách đánh giá vừa mang tính khái quát vừa có tính cụ thể.

Nguyên tắc tính hiệu quả: Các định hướng đề xuất phải mang lại hiệu quả trong việc phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước một cách rõ rệt, nhằm thực hiện được mục tiêu cuối cùng của chúng tôi đặt ra.

2. Kết quả nghiên cứu đề xuất định hướng NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Thông qua phương pháp đọc và phân tích các tài liệu bước đầu chúng tôi đề xuất 03 nhóm với 17 định hướng NCKH với những nội dung hoạt động cụ thể phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước gồm:

Nhóm nghiên cứu cơ bản trong TDTT (03 định hướng):

Định hướng nghiên cứu lịch sử (N1ĐH1): Là những nghiên cứu về quá trình phát triển phong trào Thể thao dưới nước tại Việt Nam và trên thế giới. Trên cơ sở đó xác định những điều kiện, tiềm năng để định hướng cho quá trình phát triển.

Định hướng nghiên cứu khảo sát, điều tra (N1ĐH2): Thông qua các phương pháp quan sát, đo đạc, phỏng vấn... để xác định thực trạng, xác định các qui luật diễn biến phát triển trong tiến trình giảng dạy, huấn luyện chuyên ngành, từ đó xây dựng các hằng số về y sinh học, nhân trắc học và năng lực vận động (kỹ chiến thuật, các tổ chất thể lực) của người học, của vận động viên ở mỗi giai đoạn huấn luyện, các đặc trưng vùng miền và dân tộc... để từ đó có những định hướng đúng đắn cho công tác giảng dạy, huấn luyện.

Định hướng nghiên cứu mô hình (N1ĐH3): Trên cơ sở điều tra về nhân trắc, về kỹ năng kỹ chiến thuật và các tổ chất thể lực để xây dựng những mô hình phản ánh đặc điểm phát triển năng lực chuyên môn phục vụ cho công tác tuyển chọn vận động viên và xây dựng kế hoạch, phương pháp, phương tiện giảng dạy, huấn luyện



Việc nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện chuyên ngành thể thao dưới nước luôn được Nhà trường quan tâm và chú trọng

và những mô hình quản lý điều hành môn thể thao này sao cho mang lại hiệu quả cao nhất.

Nhóm nghiên cứu ứng dụng trong TDDT (07 định hướng):

Định hướng nghiên cứu giảng dạy và huấn luyện về kỹ thuật (N2ĐH1).

Định hướng nghiên cứu giảng dạy và huấn luyện về thể lực (N2ĐH2).

Định hướng nghiên cứu xây dựng và ứng dụng các biện pháp quản lý, phát triển phong trào Thể thao dưới nước (N2ĐH3).

Định hướng nghiên cứu xây dựng và ứng dụng các chỉ tiêu kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy và huấn luyện (N2ĐH4).

Định hướng nghiên cứu ứng dụng các chỉ tiêu tuyển chọn vận động viên (N2ĐH5).

Định hướng nghiên cứu xây dựng và lựa chọn các phương tiện, phương pháp dạy bơi, phòng chống đuối nước (N2ĐH6).

Định hướng nghiên cứu các môn Thể thao dưới nước khác như lặn, đua thuyền, bóng nước,

nhảy cầu (N2ĐH7).

Nhóm nghiên cứu sáng chế (07 định hướng):

Định hướng nghiên cứu phương pháp, phương tiện mới phục vụ giảng dạy và huấn luyện về kỹ thuật (N3ĐH1).

Định hướng nghiên cứu phương pháp, phương tiện mới phục vụ giảng dạy và huấn luyện về thể lực (N3ĐH2).

Định hướng nghiên cứu giải pháp mới phục vụ cho quản lý, phát triển phong trào Thể thao dưới nước (N3ĐH3).

Định hướng nghiên cứu mới các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá kết quả giảng dạy và huấn luyện (N3ĐH4).

Định hướng nghiên cứu mới các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên (N3ĐH5).

Định hướng nghiên cứu phương pháp, phương tiện mới phục vụ dạy bơi, phòng chống đuối nước (N3ĐH6).

Định hướng nghiên cứu mở rộng phạm vi ở các môn Thể thao dưới nước khác như lặn, đua

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các đề xuất định hướng NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=32)

TT	Định hướng CNKH	Điểm đánh giá			Tổng điểm
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Nhóm nghiên cứu cơ bản trong TDTT					
1.	N1ĐH1	57	14	6	77
2.	N1ĐH2	57	16	5	78
3.	N1ĐH3	54	14	7	75
Nhóm nghiên cứu ứng dụng trong TDTT					
4.	N2ĐH1	66	16	2	84
5.	N2ĐH2	81	10	0	91
6.	N2ĐH3	66	14	3	83
7.	N2ĐH4	57	18	4	79
8.	N2ĐH5	69	14	2	85
9.	N2ĐH6	66	20	0	86
10.	N2ĐH7	60	20	2	82
Nhóm nghiên cứu sáng chế					
11.	N3ĐH1	57	18	4	79
12.	N3ĐH2	66	16	2	84
13.	N3ĐH3	54	20	4	78
14.	N3ĐH4	57	18	4	79
15.	N3ĐH5	69	18	0	87
16.	N3ĐH6	66	14	3	83
17.	N3ĐH7	60	10	7	77

thuyền, bóng nước, nhảy cầu (N3ĐH7).

Để đảm tính khách quan và nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu, chúng tôi tiến hành phỏng vấn tới 32 người người là chuyên gia, giảng viên và cán bộ quản lý TDTT thuộc các trường chuyên về TDTT. Nội dung phỏng vấn được đánh giá theo 1/3 mức độ quan trọng, tương ứng các mức điểm: 3 : 2 : 1. Qui ước đặt ra, chỉ lựa chọn các định hướng NCKH có sự đánh giá đạt trên 80 điểm để đưa vào nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu được trình bày tại bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy:

Ở nhóm nghiên cứu cơ bản: Cả 3/3 định hướng đều được đánh giá ở mức độ chưa cao và tổng điểm chỉ đạt dưới 80 điểm.

Ở nhóm nghiên cứu ứng dụng trong TDTT: Có tới 6/7 định hướng mà chúng tôi đưa ra đều được đánh giá ở mức độ “Rất quan trọng” cao và tổng điểm đạt trên 80, chỉ có duy nhất “Định hướng nghiên cứu xây dựng và ứng dụng các

chỉ tiêu kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy và huấn luyện” là nhận được điểm trung bình dưới 80. Điều này có thể giải thích “nhóm nghiên cứu ứng dụng” vẫn là định hướng nghiên cứu thiết yếu, phù hợp với định hướng mà Đảng, Nhà nước đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Ở nhóm nghiên cứu sáng chế trong TDTT: Có 3/7 định hướng NCKH được đánh giá có tổng điểm trên 80; 4 định hướng NCKH còn lại được đánh giá chưa cao.

Với kết quả này có thể thấy rằng, hiện nay định hướng NCKH theo nhóm nghiên cứu sáng chế ra các phương pháp, phương tiện phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện nói chung và đào tạo môn Thể thao dưới nước nói riêng sẽ là hướng nghiên cứu mà các nhà khoa học cần quan tâm nghiên cứu nhiều hơn.

Như vậy, theo quy tắc lựa chọn ban đầu mà chúng tôi đã đặt ra, bước đầu chúng tôi đề xuất được 09 định hướng NCKH nhằm phục vụ công

Bảng 2. Kết quả kiểm chứng lý thuyết các định hướng NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=5)

Chỉ số	Nội dung giám định (n = 3)		
	Tính hợp lý	Tính đồng bộ	Tính khả thi
Σ	25	22	21
$\bar{x}$	22.67		
$(\bar{x}_i - \bar{x})$	2.33	-0.67	-1.67
$(\bar{x}_i - \bar{x})^2$	5.44	0.44	2.78
S	8.67		
W	0.69		

tác đào tạo chuyên ngành Thể thao dưới nước trong thời gian tới. Cụ thể như sau:

Nhóm nghiên cứu ứng dụng trong TDTT (06 định hướng): N2ĐH1, N2ĐH2, N2ĐH3, N2ĐH5, N2ĐH6, N2ĐH7.

Nhóm nghiên cứu sáng chế (03 định hướng): N3ĐH2, N3ĐH5, N3ĐH6.

3. Kiểm chứng lý thuyết các định hướng NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để bước đầu xác định chất lượng các định hướng NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, chúng tôi tổ chức đánh giá trên cơ sở ý kiến của 5 chuyên gia giàu kinh nghiệm trong quản lý các hoạt động NCKH theo 03 nội dung trên thang điểm 10: Tính hợp lý của các giải pháp; Tính đồng bộ của các giải pháp; Tính khả thi của các giải pháp.

Qua kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy, điểm trung bình các nội dung giám định đạt 22,67, chỉ số W thu được đạt 0,69 nằm trong khoảng đánh giá đồng nhất các ý kiến giám định.

Như vậy có thể kết luận, cả 09 định hướng NCKH phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh bước đầu đã có đủ cơ sở để ứng dụng thực tiễn.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã đề xuất được 02 nhóm với 09 định hướng NCKH phục vụ đào tạo, huấn

luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước. Cụ thể như sau:

Nhóm nghiên cứu ứng dụng trong TDTT (06 định hướng): N2ĐH1, N2ĐH2, N2ĐH3, N2ĐH5, N2ĐH6, N2ĐH7.

Nhóm nghiên cứu sáng chế (03 định hướng): N3ĐH2, N3ĐH5, N3ĐH6.

Kết quả kiểm chứng lý thuyết cho thấy 09 định hướng NCKH phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước đảm bảo độ tin cậy và tính khách quan cho phép ứng dụng vào trong thực tiễn hoạt động đào tạo tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đại Dương (2015), “Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo Đại học của trường Đại học TDTT Bắc Ninh”, *đề tài KH&CN cấp cơ sở, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh*.

2. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2013), *Chiến lược phát triển Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.

3. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 17/1/2025, phản biện ngày 15/2/2025, duyệt in ngày 27/3/2025)

Chịu trách nhiệm chính: Lê Đức Long
Email: duclongbl@gmail.com)

1. Ban biên tập

Tích cực đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**4. Nguyễn Thị Thu Quyết**

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BÀI BÁO KHOA HỌC**8. Nguyễn Văn Tuấn; Đinh Thị Hằng**

Đề xuất giải pháp về cơ chế chính sách trong phát triển sự kiện thể thao tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

13. Mai Thị Bích Ngọc; Đỗ Thùy Giang

Đề xuất mô hình giảm thiểu rủi ro trong tổ chức sự kiện thể thao tại Việt Nam

16. Đỗ Quốc Hùng; Lương Thị Hà

Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nữ sinh viên Bóng chuyền Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

21. Lê Đức Long; Phạm Văn Tuấn

Định hướng nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, huấn luyện chuyên ngành Thể thao dưới nước tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

26. Nguyễn Xuân Hường; Nguyễn Lê Huy; Nguyễn Văn Hải

Nghiên cứu biện pháp hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao thể lực cho sinh viên năm thứ 3 Trường Đại học Chính trị

31. Nguyễn Tiến Quân; Dư Thị Luyện; Đồng Trung Du

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới công tác Giáo dục thể chất của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

37. Ngô Mạnh Cường

Lựa chọn giải pháp nâng cao thể lực cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

42. Nguyễn Văn Thành

Thực trạng ứng dụng Công nghệ thông tin và định hướng chuyển đổi số trong dạy học môn giáo dục thể chất cho giảng viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

47. Nguyễn Tiến Cường; Trần Anh Tuấn; Lê Đình Phú; Lê Mạnh Hoàn

Ứng dụng bài tập mục tiêu trong việc cải thiện kỹ thuật Forehand groundstroke của các VĐV Pickleball Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa

53. Nguyễn Văn Phong; Nguyễn Tất Tuấn

Ứng dụng Data Voley 4 đánh giá hiệu quả phòng thủ trong thi đấu của Đội tuyển nam sinh viên Bóng chuyền Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

56. Đinh Hùng Trường; Đặng Hoài An; Ngô Hữu Thắng

Ứng dụng giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý vận động viên Cầu lông Đội tuyển trẻ quốc gia tại Trung tâm Đào tạo vận động viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

62. Trịnh Minh Hiền

Lựa chọn và đánh giá hiệu quả bài tập phát triển sức bền cho vận động viên Đội tuyển Võ thuật ứng dụng của Học viện an ninh nhân dân

67. Nguyễn Xuân Thành; Đỗ Thị Liên Phương

Xây dựng tiêu chuẩn phân loại đánh giá năng lực tâm lý cho nam sinh viên chuyên sâu Thể dục năm thứ hai và thứ ba Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**71. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Thị Hoài Phương**

Bài tập phát triển nhóm cơ mông cho nữ

1. Editorial board

Actively innovate scientific research activities in Sports and Physical Education

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Nguyen Thi Thu Quyet

NTasks and solutions for developing physical education and sports activities for everyone by 2030, with a vision to 2045

ARTICLES

8. Nguyen Van Tuan; Dinh Thi Hang

Proposing solutions on policy mechanisms in developing sports events in the Northern Midlands and Mountains

13. Mai Thi Bich Ngoc; Do Thuy Giang

Proposing a model to minimize risks in organizing sports events in Vietnam

16. Do Quoc Hung; Luong Thi Ha

Choosing speed strength development exercises for female Volleyball students of University of Economics - University of Danang

21. Le Duc Long; Pham Van Tuan

Orientation of scientific research serving training and coaching in aquatic sports at Bac Ninh Sports University

26. Nguyen Xuan Huong; Nguyen Le Huy; Nguyen Ven Hai

Research on extracurricular activities to improve physical fitness for third-year students at the University of Politics

31. Nguyen Tien Quan; Du Thi Luyen; Dong Trung Du

Application evaluates the defensive effectiveness in the competition of the Men's Volleyball Team of Bac Ninh Sports University

37. Ngo Manh Cuong

Selecting solutions to improve physical fitness for students of the University of Information Technology and Communications - Thai Nguyen University

42. Nguyen Van Thanh

Current status of information technology application and orientation of digital transformation in teaching physical education for lecturers at Nghe An College of education

47. Nguyen Tien Cuong; Tran Anh Tuan; Le Dinh Phu; Le Manh Hoan

Application of target exercises in improving Forehand groundstroke technique of pickle ball athletes at Thanh Hoa Industrial College

53. Nguyen Van Phong; Nguyen Tat Tuan

Application evaluates the defensive effectiveness in the competition of the Men's Volleyball Team of Bac Ninh Sports University

56. Dinh Hung Truong; Dang Hoai An; Ngo Huu Thang

Applying solutions to improve the effectiveness of managing Badminton athletes of the National Youth Team at the Athlete Training Center of Bac Ninh Sports University

62. Trinh Minh Hien

Selecting and evaluating the effectiveness of endurance development exercises for athletes of the Applied Martial Arts Team of the People's Security Academy

67. Nguyen Xuan Thanh; Do Thi Lien Phuong

Building a standard for classifying and assessing psychological capacity for second and third year male students majoring in Physical Education at Hanoi University of Physical Education and Sports

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

71. Pham Tuan Dung; Nguyen Thi Hoai Phuong

Exercise buttock muscle development for women



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO²

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

p-ISSN 1859-4417

e-ISSN 3030-4822

Số 2 -2025

(06)

